TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13/12/2023
"V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị V và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Trung Hoà
- Ông Huỳnh Văn Đương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2023/TLST-HNGĐ, ngày 15/9/2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐST-HN, ngày 28/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Yến V, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Con chung của chị V và anh T tên:
+ Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 29/11/2012. Có mặt
+ Nguyễn Hữu N, sinh ngày 22/10/2016. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Yến V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011 chị và anh Nguyễn Văn T quen nhau và xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định, thời gian chung sống chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 29/11/2012 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 22/10/2016 chị V đang nuôi dưỡng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh T thường hay uống rượu không lo cho gia đình, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc chị đã bỏ về nhà mẹ ruột sống 06 năm nay, tình cảm vợ chồng cũng không còn. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung tên: Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 29/11/2012 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 22/10/2016 chị yêu cầu được nuôi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị V không tranh chấp, không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị V không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay con chung của chị V và anh T tên Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 29/11/2012 có ý kiến: Trường hợp cha mẹ ly hôn với nhau, nguyện vọng của con được sống với mẹ.

Tại phiên toà hôm nay con chung của chị V và anh T tên Nguyễn Hữu N, sinh ngày 22/10/2016 có ý kiến: Trường hợp cha mẹ ly hôn với nhau, nguyện vọng của con được sống với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, có tống đạt đầy đủ cho các đương sự. Về chấp hành pháp luật của đương sự, chị V thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình riêng anh T không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị V, cho chị V và anh T được ly hôn với nhau, về con chung tên Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 29/11/2012 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 22/10/2016 chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi và theo nguyện vọng của con Nguyễn Hữu T1 và Nguyễn Hữu N được sống chung với chị V nên để cho chị V được tiếp tục nuôi hai con chung, về cấp dưỡng nuôi con chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung

và về số nợ phải thu, phải trả chị V không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, về án phí chị V phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà bị đơn anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo luật định.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của chị V khởi kiện xin ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị V và anh T chung sống với nhau năm 2011 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị V và anh T là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa chị V và anh T tuy chưa thống nhất với nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẽ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh chị V và anh T đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, anh chị luôn bất hòa với nhau về mọi mặt, từ khi ly thân 06 năm nay anh chị cũng không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, mạnh ai nấy sống làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tòa án đã hòa giải hai lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không đến và tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Chị V xin được ly hôn với anh T là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của chị V, xử cho chị V và anh T được ly hôn với nhau.

Về nuôi con tên: Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 29/11/2012 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 22/10/2016 là con chung của chị V và anh T trong thời gian anh chị ly thân đến nay con chung Nguyễn Hữu T1 và Nguyễn Hữu N sống với chị V, được chị V nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo về mọi mặt và theo nguyện vọng của con chung Nguyễn Hữu T1 và Nguyễn Hữu N được sống chung với chị V. Tại phiên tòa chị V xin được quyền nuôi dưỡng con chung là phù hợp, để con chung Nguyễn Hữu T1 và Nguyễn Hữu N

có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 29/11/2012 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 22/10/2016 cho chị V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị V không khởi kiện, không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị V không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị V phải nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 05 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Yến V.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Yến V và anh Nguyễn Văn T được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Chị Lê Thị Yến V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 29/11/2012 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 22/10/2016 sau khi ly hôn.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Yến V không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị V không khởi kiện, không tranh chấp không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị Lê Thị Yến V không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Yến V có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0017492 ngày 13/9/2023 do chị V nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu, Chị Lê Thị Yến V đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Tranh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện C, tỉnh T;
- Lưu HSVA.